

QUYỀN 24

Hỏi: Sự thành Phật theo lý chỉ là nhất tâm tại sao lại lập nhân hạnh vị Văn-thù, Phổ Hiền, quả danh hiệu Thích-ca, Di-lặc, cho đến cõi nước chư Phật mười phương, thần thông biến hiện các thứ pháp môn ?

Đáp: Đây là danh vị mà không danh vị, nhân quả mà không nhân quả. Tâm này làm nhân, tâm này thành quả, tâm này nêu tên, tâm này lập vị.

Kinh Phổ Hiền Quán ghi: “Nhân đại thừa là thật tướng, quả đại thừa là thật tướng”.

Thích luận ghi: Mới quán thật tướng gọi là nhân, quán thành tựu gọi là quả. Cho nên biết ban đầu sau rốt đều là tâm, nhân quả đồng chứng, chỉ vì căn cơ không đồng, nhận thức khác nhau, nếu dùng một pháp hợp cơ thì không thể cùng nhau giải thoát mà cần phải nhiều thứ thị hiện hướng dẫn chúng sinh trở về tâm. Tuy bày nhiều tên gọi nhưng đều là ý nghĩa nhất tâm. Nếu trái tự tâm, chấp tướng Phật, cảnh thắng diệu bên ngoài, đây là điên đảo. Do đó *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Do hình sắc uy đức chúng tộc
Thấy bậc Điều ngự trong loài người
Đây là mắt bệnh thấy điên đảo,
Không thể biết được pháp tối thắng.*

Lại tụng:

*Giả sử trăm nghìn kiếp,
Thường thấy đức Như Lai,
Chẳng theo nghĩa chân thật
Mà quán đáng cứu thế,
Trói buộc ngục sinh tử,
Mù lòa không thấy Phật.*

Tại sao không thấy Phật ? Một là chẳng biết tự tâm, hai là chẳng rõ ẩn hiển. Vì sao nhân chúng sinh ẩn nơi bản giác, quả chư Phật hiện nơi pháp thân ? Nhân ẩn nơi bản giác là quả hiển nơi

pháp thân, quả hay thành nhân thì Phật là chúng sinh. Quả hiển nơi pháp thân là nhân ẩn nơi bản giác, nhân hay thành quả thì chúng sinh là Phật. Cho nên nói phàm Thánh giao triệt, lý sự dung nhau.

Thích-ca Mâu-ni, Thích-ca Trung Hoa dịch là Năng nhân, Mâu-ni Tàu dịch là Tịch mặc. Năng nhân là tâm tính vô biên hàm chứa tất cả. Tịch mặc là tâm thể vốn tịch, động tĩnh không liên can, cho nên gọi là Thích-ca Mâu-ni. Giác ngộ điều này gọi là Phật.

Di-lặc, Trung Hoa dịch là Từ Thị, là lòng từ của nhất tâm chân thật. Vì tâm không giữ tự tính, tùy theo vật linh động mà ứng hiện khắp nơi thành giáo hóa vô điều kiện nên gọi là Từ Thị.

A-di-đà, Trung Hoa dịch là Vô lượng thọ, là thọ mạng như lý. Vì nhất tâm chân như tính vô tận, nên gọi là Vô lượng thọ.

A-Súc, Trung Hoa dịch là Bất động, là nhất tâm diệu tính trạm nhiên bất động, nơi Phật không tăng, chúng sinh không giảm, cho nên gọi là Bất động.

Tam tạng Lạc-na nói: “Biển nhập pháp giới lẽ là do hành giả quán tưởng thân tâm chính mình từ xưa đến nay không ra ngoài thân chư Phật, cũng không ở trong thân chư Phật, cũng không ở ngoài ta, cũng chẳng ở trong ta, tự tính bình đẳng vốn không tăng giảm. Nay lẽ một đức Phật là lẽ tất cả chư Phật trong tam thừa vô lậu, thân ta đã khắp thì thân Phật cũng khắp, cho đến pháp giới cảnh không, cảnh có, y báo, chính báo, thức cúng trang nghiêm tùy duyên đầy khắp, chẳng lìa pháp giới, tùy tâm vô ngại, đều cúng dường, tùy hi đánh lễ. Như trong nhà treo trăm nghìn chiếc gương, có người soi gương, gương đều hiện ảnh tượng, thân Phật thanh tịnh sáng hơn gương, xen vào nhau, gương không gì chẳng chiếu, ảnh không gì chẳng hiện. Đây là thân cái khác làm tổng, vào cái khác làm biệt. Một thân đã thế, cho đến tất cả pháp giới, như thân của phàm Thánh, thức cúng dường đều giúp tùy hi thấy đều cúng dường. Đã biết thân ta ở trong thân Phật, vì sao lại điên đảo vọng tạo tà nghiệp, chẳng biết hổ thẹn?”

Lại đức dụng của chư Phật ngang nhau, danh hiệu cũng đồng cho nên xưng bất cứ danh hiệu nào cũng là tất cả. Như xưng danh hiệu Phật A-di-đà là cung thỉnh tất cả chư Phật. Tây Thiên gọi Phật A-di-đà, Trung Hoa gọi là Vô lượng thọ, đâu chỉ có một đức Phật này trường thọ. Giả sử tất cả Phật không giáo hóa chúng sinh, chỉ cần một đức Phật giáo hóa chúng sinh thì công đức trở về pháp giới, đức dụng đầy khắp pháp giới, đây gọi là biến nhập pháp giới lễ.

Kinh Lăng Già ghi: “Phật bảo Đại Huệ: Vì tứ đẳng mà Như Lai ở trong đại chúng nói rằng lúc ấy ta là Phật Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp”.

Tứ đẳng là gì ? Đó là tự đẳng (tên gọi đồng), ngữ đẳng (lời nói đồng), pháp đẳng (pháp đồng), thân đẳng (thân đồng). Thế nào là nghĩa đẳng ? Nghĩa là cùng một danh tự, cùng một phạm thanh, cùng một thừa môn, cùng một chân thể, cho đến cùng một tâm, cùng một trí, cùng một giác, cùng một đạo. Như Ương-quật-ma-la cùng Văn-thù-sư-lợi dạo mười phương, thấy mười phương chư Phật. Các vị Phật đó đều xưng ta là Phật Thích-ca. Lại *kinh Pháp Hoa* nói mười phương chư Phật đều là phân thân của Thích-ca thì A-súc, Di-đà đều là bốn sư. Bốn sư là tâm ta vậy.

Giải thích: Không riêng Di-đà, A-súc mà mười phương chư Phật đều là bốn sư của ta, hải ấn chột hiện. Và lại phân thân trong Pháp Hoa có nhiều tịnh độ, vì sao Như Lai không chỉ vào tịnh độ của mình mà lại bảo đi theo Di-đà, Diệu Hi. Hãy suy nghĩ đi! Cho nên biết Hiền Thủ, Di-đà v.v... đều là bốn sư. Sao lạ thế ?

Trong phẩm Thọ Lượng nói Hiền Thủ là Như Lai của thế giới Tối Hậu Thắng Liên Hoa trong quá khứ trải qua trăm vạn a-tăng-kì cõi nước. Trong kinh có kệ:

*Hoặc thấy cõi Liên Hoa Thắng Diệu
Hiền Thủ Như Lai trụ trong đó.*

Nếu đây không phải khen ngợi bốn sư thì nói Như Lai khác ở cõi nước khác để làm chi ?

Mật giáo cũng nói ba mươi bảy vị Phật đều do một đức Phật Giá-na hiện, nghĩa là nội tâm của đức Tỳ-lô-giá-na chứng tự thọ dụng, thành tựu năm trí. Từ bốn trí lưu xuất bốn vị Như Lai, nghĩa là đại viên cảnh trí lưu xuất A-súc Như Lai ở phương đông, bình đẳng tính trí lưu xuất Bảo Sinh Như Lai ở phương nam, diệu quán sát trí lưu xuất Vô Lượng Thọ Như lai ở phương tây, thành sở tác trí lưu xuất Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương bắc, pháp giới thanh tịnh trí lưu xuất Tỳ-lô-giá-na Như Lai.

Ba mươi bảy tôn, Như Lai ở năm phương mỗi vị đều có bốn vị đại Bồ-tát hầu hai bên hợp thành hai mươi vị. Đó là bốn vị đại Bồ-tát hầu Tỳ-lô-giá-na Như Lai ở phương giữa: một là Bồ-tát Kim cương ba-la-mật, hai là Bồ-tát Bảo ba-la-mật, ba là Bồ-tát Pháp ba-la-mật, bốn là Bồ-tát Yết-ma ba-la-mật. Bốn vị Bồ-tát hầu A-súc Như Lai ở phương đông: một là Bồ-tát Kim cương Tát-đỏa, hai là Bồ-tát Kim cương Vương, ba là Bồ-tát Kim cương Ái, bốn là Bồ-tát Kim cương Thiện Tai. Bốn vị Bồ-tát hầu Bảo Sinh Như Lai ở phương nam: một là Kim cương Bảo, hai là Kim cương Uy Quang, ba là Kim cương Tràng, bốn là Kim cương Tiểu. Bốn vị Bồ-tát hầu Vô Lượng Thọ Như Lai còn gọi là Quán Tự Tại Vương Như Lai ở phương tây: một là Kim cương Pháp, hai là Kim cương Kiếm, ba là Kim cương Nhân, bốn là Kim cương Lợi. Bốn vị Bồ-tát hầu Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương bắc: một là Kim cương Nghiệp, hai là Kim cương Pháp, ba là Kim cương Dược Xoa, bốn là Kim cương Quyền.

Đã có hai mươi lăm cùng tứ nhiếp và bát cúng dường, cho nên thành ba mươi bảy.

Tứ nhiếp là cái móc, sợi dây, cái khóa, cái chuông.

Bát cúng dường là đốt, rải, thắp đèn, xoa, hoa, man, ca, múa.

Trên có Kim cương, dưới có Bồ-tát. Ba mươi bảy tôn này có chủng tử, đều là trí dụng của bốn sư lưu xuất, cùng ý nghĩa với hải ấn chột hiện ở trong kinh Hoa Nghiêm.

Hỏi: Nếu theo nghĩa này không trái với ý thú bình đẳng chăng ? Ý thú bình đẳng cho rằng: Nói là ngã đó, y theo ý thú bình đẳng mà nói thì chẳng phải là ngã, vì sao đều nói là bốn sư ?

Đáp: Trong lời đáp lời nói bình đẳng là một nghĩa, duy thức còn nói trong tất cả chúng sinh thuộc về nhiều Phật, nhiều Phật cùng hóa độ để làm một Phật. Nếu thuộc về một Phật, Phật hay thị hiện để làm nhiều thân mười phương Như Lai mỗi vị đều như thế. Nay chính một vị Phật có thể biến ra nhiều thân, y theo đây mà ca ngợi bốn sư vậy.

Như đệ tử hỏi Phó đại sĩ: Từ trước đến nay vì sao chỉ thừa hỏi đức Thích-ca, mà không nói đến đức Di-lặc ?

Đáp: Mười phương chư Phật chung một pháp thân, đâu cần phải có hai. Lại ba thân mười thân tùy dụng mà nói, căn cứ vào bản tính chỉ có một thân mà thôi như nhà tôi chỉ có một tia sáng theo lỗ nhỏ chiếu vào, ánh sáng tuy sai khác nhưng vốn chỉ là một. Pháp thân cũng tùy theo căn cơ mà hiện hình tướng khác nhau. Phẩm Xuất Hiện có bài tụng:

*Như Phạm Vương trụ cung điện mình
Hiện khắp ba nghìn chỗ Phạm thiên
Tất cả trời người đều được thấy
Thật sự không phân thân đến chỗ kia
Chư Phật hiện thân cũng như thế
Thân Phật đầy khắp cả mười phương
Thân này vô số không thể gọi
Cũng chẳng phân thân chẳng phân biệt.*

Nên biết chẳng phải trí của Phật khác khắp nơi mình mà là Phật trí của mình khắp nơi người khác; cũng chẳng phải nhân của mình hướng đến quả của người mà là quả của người tiếp nối nhân của mình thì nhân quả đồng thời, phàm Thánh là một. Thế nên thấu rõ không hai tướng thì có thể vượt qua ma giới, không có một pháp an trụ Phật thừa. Nếu chấp tướng thì chìm trong biển lục nhập, khởi niệm thì rơi vào thành ngũ âm, đều là chúng sinh tùy

theo tình chấp sai biệt mà khởi cái thấy mình người thì bóng nguyệt phân ra nhiều mặt trăng, dấu vết tướng tượng bao hình dáng, chẳng lìa nhất chân đều hiện trong nước tâm. Cho nên Dung đại sư nói: “Chẳng lìa năm ấm mà có Phật”, kinh nói: “Nhu tâm Phật cũng thế, như Phật chúng sinh cũng vậy”. Lại nói: “Lìa tâm cầu Bồ-đề ví như trời với đất làm gì có thân một trượng sáu, thân không trượng sáu”.

Đại Phẩm ghi: “Chẳng lấy thân làm Phật, mà lấy chủng trí làm Phật”. Nếu cho rằng tướng hảo là Phật thì Chuyển luân vương là Phật? Nay phân nhiều cho rằng Phật ở trong thân người sao không thấy được là vì phiền não. Kinh nói: “Chúng sinh có đủ phiền não tuy gần mà không thấy, chỉ ở trong thân rất gần mà không thấy. Lại vì chúng ta không có trí tuệ nên không biết trong chèo áo có bảo châu vô giá”.

Tâm là tin, nghĩa là có năm thức trước theo tướng mà hiện hành thì phiền não gọi là thức, không gọi là tâm.

Ý là nhớ, nghĩa là nhớ tướng tiền cảnh rồi khởi vọng, đều là vọng thức không liên can đến tâm. Tâm chẳng phải có không, có không chẳng nhiễm được. Tâm chẳng phải như sạch, như sạch không chi phối được. Cho đến mê ngộ, phàm Thánh, đến đi, dừng nghỉ đều là vọng thức chẳng phải tâm. Tâm vốn không sinh mà nay cũng không diệt. Nếu biết tự tâm như thế thì Phật cũng thế, nên nói trực tâm là đạo tràng vì không hư giả.

Kinh nói: “Thân thể gian như thế thì thân chư Phật cũng vậy. Biết rõ tự tính gọi là Phật, thế nên một thân, vô lượng thân đều đồng Phật thể, vì đồng một lý vô tính”. Do đó Chí Công nói: “Lúc ăn uống, vô minh vốn là thân Thích-ca, lúc ngồi nằm không biết vốn là đạo, sao lại chịu nhọc nhằn đắng cay?”

Hoa Nghiêm Tư Ký ghi: “Từ khi ta nghe như thế đến nay, cho đến trong tất cả kinh điển, chúng Bồ-tát, chúng Thanh văn, các thức cúng dường trang nghiêm, hoa, phan, tràng, cái, bảy thứ trân bảo v.v... đều là do tịnh nghiệp Như Lai, hoặc đặt ra tên pháp, tên mây

đều là việc trong tịnh tâm. Văn-thù là tâm hiện hành phân biệt của chúng sinh. Phổ Hiền là tâm trần lao nghiệp hạnh của chúng sinh. Quán Âm là tâm đại bi của chúng sinh. Thế Chí là tâm đại trí của chúng sinh”.

Như *kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Mọi chỗ là Văn-thù, Văn-thù tuy ở phương đông đến mà chính là ở khắp chỗ, vì là thân pháp giới, trí bất động, chạm cảnh liền biết, lục căn tam nghiệp thấy đều là Văn-thù, thể thật tướng trùm khắp sum la vạn tượng, không gì chẳng phải bát-nhã, làm gì có một chỗ chẳng phải là Văn-thù”.

Tịnh Danh Sớ nói: “Bồ-tát Định Tự Tại Vương dùng nhất tâm tam quán hay quán tâm tính gọi là thượng định. Được thượng định này, đối với thiên định chân tục liền được tự tại như quốc vương. Bồ-tát Bảo Tích dùng nhất tâm tam quán chính quán tâm tính tuy không, đầy đủ pháp bảo tự của vạn hạnh, cho nên gọi là Bảo Tích. Bồ-tát Diệu Sinh quán tâm chẳng sinh thì tất cả pháp chẳng sinh nên bát-nhã diệu sinh, cho nên kinh nói sắc không sinh bát-nhã sinh. Kinh Thỉnh Quán Âm nói Bồ-tát Quán Thế Âm quán nơi tâm mạch khiến tướng một chỗ liền thấy Quán Thế Âm”.

Những vị Bồ-tát ấy tùy nêu lên một quán môn để đặt riêng tên vị Bồ-tát để quy về tâm. Nếu một người có đủ tất cả quán môn thì tên gọi thông lẫn nhau, tức là tên gọi đồng, lời nói đồng, thân đồng, pháp đồng. Vì tất cả pháp vốn tự không tên, không tên mà có tên đều từ tâm khởi, tâm tức là tên vậy. Người có thể hiểu như thế tức là ở trong chính quán tâm thấy tất cả Bồ-tát, chư Phật, cho đến mười vị đại đệ tử Thanh văn đều là pháp số thập thiện của tự tâm. Lại nói: Tam tạng giáo Tỳ-đàm có bài kệ nói về mười tâm số:

Tướng dục cùng lạc huệ

Niệm tư và giải thoát

Tác ý nơi cảnh giới

Định và thống tâm sở

Tâm này thông đại địa

Số pháp phò tâm vương

Khởi tất cả tâm sở.

Như một nước có mười quan cùng phụ giúp một vị vua, nếu vua quan cùng làm chuyện phi đạo thì nhân dân trong nước đều tạo ác, nếu vua quan cùng nhau cai trị chân chính thì nhân dân trong nước đều có đạo đức. Chúng sinh có tâm vương bao gồm mười tâm sở, nếu niệm bất thiện thì có vô lượng tâm sở phiền não bất thiện khởi; nếu tâm vương cùng mười tâm sở giúp nhau niệm thiện thì có vô lượng tâm sở trí tuệ công đức thiện khởi.

Lại nữa tâm vương là thầy, mười tâm sở là mười đệ tử, như thầy trò cùng làm ác thì giáo hóa mọi người đều ác, như thầy trò cùng làm thiện thì giáo hóa mọi người tu thiện. Tâm vương và mười tâm sở pháp cũng như thế, cho nên kinh nói: “Đệ tử chúng trần lao, tùy ý được chuyên đời”. Tất cả chúng sinh đều có tâm vương và mười pháp tâm sở, nếu gặp thiên ma ngoại đạo ái luận, kiến luận liền khởi phiền não bị lưu chuyển trong sinh tử, như vua ác có quan ác, thầy xấu thì giáo hóa đệ tử xấu. Nay Phật là vua pháp, mười vị đệ tử là quan pháp, là bậc thầy của chính pháp, đệ tử của chính pháp, dùng huệ hạnh thực hành chính pháp, cùng giáo hóa chúng sinh. Tâm vương bao gồm cả mười pháp tâm sở. Nếu chúng sinh tin nhận tu hành huệ hạnh thì kiến luận phiền não diệt, thành tựu vô lượng pháp thiện tâm sở kiến đạo. Nếu chúng sinh tin nhận tu tập hành hạnh liền phá tất cả pháp bất thiện tâm sở và thiên ma, thành tựu vô lượng pháp thiện tâm sở tu đạo. Cho nên kinh nói: “Tâm vương nếu chính thì lục thần (sáu vị quan) chẳng phải tà”. Lại nữa, mười tâm sở này là mười pháp môn, đều có thể thông nhập niết-bàn. Ban đầu lấy mười tâm sở làm chủng tử, từ đây tu tập cho đến thành đạo như cây to phải bắt đầu từ cọng nhỏ. Nay pháp vương muốn dùng giáo lý bán mãn để hóa độ chúng sinh, trước tiên phải tùy theo sự ưa thích của họ, cho nên kinh nói: “Trước muốn dẫn dắt, sau đó khiến vào Phật trí”.

Nay mười đệ tử đều riêng hoằng hóa một pháp, người tụ họp theo chủng loại, loài vật phân thành đàn, tùy theo sự ưa thích mà

dùng pháp môn nhất hạnh thu nhiếp làm quyền thuộc. Tuy mỗi vị sử dụng một pháp môn mà đâu từng chẳng đủ mười đức. Như mười tâm sở này tùy có một tâm khởi thì mười tâm sở khởi theo. Tuy dùng một tâm sở để gọi tên mà thật ra có mười tâm sở.

Mười tâm sở đối chiếu với mười đại đệ tử như sau:

1- Tướng tâm sở là Phú-lâu-na, tướng tâm sở rất mạnh, dùng tướng vào đạo, thế nên trong hàng đệ tử Thanh văn, ngài là người thuyết pháp đệ nhất. *Thành Luận* nói: Biết được thật tướng, tướng được giả danh, Phú-lâu-na dùng tướng số phân minh nên có thể phân biệt danh tướng, vô ngại biện tài không trệ ngại, là bậc thuyết pháp đệ nhất.

2- Dục tâm sở là Đại Ca-diếp, dùng thiện dục tâm sở vào đạo nên trong hàng Thanh văn là bậc đầu đà đệ nhất. Trong tất cả thiện pháp dục là gốc, Ca-diếp dứt bỏ vinh hoa thế gian, chí nơi xuất thế, thích ở núi rừng đây là tâm thiện dục phát khởi thì ác dục xa lìa.

3- Lạc tâm sở là Ca-chiên-diên, khởi lạc tâm sở nghiên cứu nghĩa lý mà vào đạo, nên trong hàng Thanh văn là bậc luận nghĩa đệ nhất, hỏi đáp qua lại, thâm nhập nghĩa lý, luận nghĩa không cùng, không trệ, không sót, do vì chuyên tu lạc tâm sở nên được như thế.

4- Huệ tâm sở là Thân Tử (Xá-lợi-phất), dùng huệ tâm sở vào đạo nên trong hàng Thanh văn là bậc trí tuệ đệ nhất, là đại tướng của Chính pháp.

5- Niệm tâm sở là Ưu-ba-ly, dùng niệm tâm sở trì luật vào đạo, nên trong hàng Thanh văn là người trì luật đệ nhất. Nhớ mãi không quên gọi là niệm. Ưu-ba-ly đối với duyên bên ngoài dù khinh hay trọng ông đều giữ gìn thân khẩu cẩn thận, nên gọi là bậc trì luật đệ nhất.

6- Tư tâm sở là La-hầu-la, do mật hạnh vào đạo nên trong hàng Thanh văn là người mật hạnh đệ nhất. Hành âm là tư tâm sở. Tư tâm sở như khéo tu các giới hạnh, che giấu các công đức, nên là bậc mật hạnh hơn cả.

7- Giải thoát là Thiện Kiết (Tu-bồ-đề), dùng tâm sở này tu không giải thoát vào đạo nên trong hàng Thanh văn là bậc giải không đệ nhất. Vô tránh tam-muội tự tại giải thoát, không cạnh tranh với người.

8- Ưc tâm sở là A-na-luật, do ông bị mù nên đức Phật dạy khởi tâm sở này tu thiên nhãn vào đạo nên trong hàng Thanh văn là bậc thiên nhãn đệ nhất. Tu thiên nhãn cần phải trụ tâm duyên cảnh, nắm lấy tướng ánh sáng của mặt trời mặt trăng tinh tú mà tu để phát ra thiên nhãn thông.

9- Tam-ma-đề sở là Mục Liên, đây là định tâm sở rất sắc bén, do tu định này được tiến vào đạo nên trong hàng Thanh văn là bậc thiên định đệ nhất.

10- Thống tâm sở là A-Nan, dùng thọ tâm sở mãnh liệt nghe nhớ để vào đạo nên trong hàng Thanh văn là bậc đa văn tổng trì đệ nhất. Thống nói thông thường là thọ, có nghĩa là lãnh nạp. Thọ tâm sở phân minh nhận lãnh giữ gìn Phật pháp, như chiếc bình nguyên vẹn chứa đầy nước.

Mười vị đệ tử này cùng phụ giúp Như Lai đem giáo lý bán mãn trang nghiêm tứ khô tứ vinh (bốn cây héo, bốn cây tươi), dẫn dắt chúng sinh vào trung đạo, thấy Phật tính, trụ đại niết-bàn, tức là trụ bất tư nghi giải thoát. Đây là biết thật hạnh tự lợi và phương tiện lợi tha. Hoặc thầy, hoặc đệ tử, hoặc giáo, hoặc quán đều không ra ngoài pháp môn tâm sở chúng sinh, tất cả đồng quy Tông Cảnh, cho đến tất cả ngôn thuyết nghĩa lý hạnh vị tiến tu đều là tâm, không gì chẳng gồm thấu. Vì tất cả ngữ ngôn do giác quán tâm, tất cả các hành do tư tâm, tất cả nghĩa lý do huệ tâm.

Lại tâm vương là Phật bảo, tâm sở là Tăng bảo, thật tế được duyên không tâm vương, không tâm sở là Pháp bảo. Khéo vào thật tế, tâm vương tâm sở công dụng đầy đủ. Tâm, tâm sở pháp chẳng hiện hành nên gọi là hành Bát-nhã ba-la-mật.

Phổ Hiền Quán ghi: “Quán tâm vô tâm, pháp chẳng trụ pháp, tâm ta tự không, tội phước không chủ, tức là không tâm vương,

không tâm sở gọi là chính quán. Tâm sở trần lao này nếu chẳng hết thì quán không thành, cho nên kinh nói: “Chẳng độ chúng sinh, ta chẳng thành chính giác”, chính là ý này. Nếu ai có thể hiểu như thế thì không một danh hiệu Phật Bồ-tát và một pháp môn nào chẳng hiện trong tâm chính quán. Cho nên *kinh Pháp Hoa* nói: “Nếu có người tin lời ông nói tức là thấy ta, cũng thấy cả ông cùng các tỳ-kheo tăng và các vị Bồ-tát”. Những ai nghe kinh sinh lòng tin không nghi ngờ ? Nếu biết rõ lòng tin này minh tịnh tức là thấy Phật, huệ tâm sở phân minh là thấy Thân Tử, các tâm sở phân minh là thấy chúng tỳ-kheo, tâm từ bi thanh tịnh là thấy Bồ-tát”.

Hòa thượng Hoàng Bá nói: “Chư Phật cùng tất cả chúng sinh chỉ là nhất tâm, không còn pháp nào khác đây là tâm giác ngộ. Chỉ có nhất tâm này là Phật. Thấy tâm này tức là thấy Phật, Phật tức là tâm, tâm tức là chúng sinh, chúng sinh tức là Phật, Phật tức là tâm. Khi làm chúng sinh tâm này chẳng bớt, khi làm Phật tâm này chẳng thêm. Chỉ cần ngộ nhất tâm, không còn một chút pháp nào để được, đây chính là chân Phật”.

Văn-thù đạt đến lý chân không vô ngại, Phổ Hiền đạt đến hạnh ly tướng vô tận. Những gì các vị đại Bồ-tát biểu hiện, mọi người đều có, không lìa nhất tâm. Ngộ đó là phải, chỉ cần vô tâm liền thành người học đạo rốt ráo. Chẳng ngay đó vô tâm thì tu hành nhiều kiếp cũng không thể thành đạo, chẳng bằng qua lời nói tự mình nhận lấy bản pháp, pháp này là tâm, ngoài tâm không pháp dứt sạch mọi suy tính, cho nên nói đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt.

Tâm này là bản nguyên thanh tịnh Phật, xuẩn động súc sinh cùng Phật Bồ-tát một thể, chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo các nghiệp quả. Trên bản Phật thật sự không có một vật, chỉ có rỗng rang thông suốt tịch tĩnh minh diệu an lạc mà thôi. Chỉ ở nơi thấy nghe hay biết nhận lấy bản tâm, nhưng bản tâm không lệ thuộc thấy nghe hay biết, cũng chẳng lìa thấy nghe hay biết. Chỉ cần ở nơi thấy nghe hay biết đừng khởi kiến giải, cũng chẳng lìa thấy nghe hay biết mà tìm tâm, bất tức bất ly, bất trụ bất trước. Người đời

nghe đạo lý, chư Phật đều truyền tâm pháp, ắt cho rằng trên tâm riêng có một pháp để chứng để chấp thủ, liền đem tâm tìm pháp, chẳng biết tâm tức là pháp, pháp tức là tâm, không thể đem tâm tìm tâm trải qua nghìn kiếp không thể vào được, chẳng bằng ngay đó vô tâm liền thành bốn pháp, cho đến xuất gia đều không ngoài nhất niệm của tự tâm. Cho nên Hòa thượng Hương Nghiêm có kệ:

*Từ khi cầu xuất gia
Chưa biết rõ pháp danh
Đứng ngồi chỉ bình thường
Không chút gì thù thắng.*

Vì ngoài tâm không có pháp xuất gia nào khác thì làm gì có cảnh thù thắng để tìm cầu ? Do đó *kinh Tịnh Danh* nói: “Không lợi, không công đức, đây gọi là xuất gia”. Ngài A-nan vì chưa ngộ ý chỉ này chỉ thấy tướng hảo của Như Lai mà cầu xuất gia, liền sám hối: Thân con tuy xuất gia mà tâm chẳng vào đạo.

Thai giáo ghi: Quán nhất niệm tâm như hư không, chẳng bị nhị biên ràng buộc ngăn ngại, đại huệ bình đẳng vô trụ vô trước tức gọi là xuất gia, nhờ trung quán tự giúp, nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng gọi là khát sĩ, quán ngũ trụ phiền não là bờ-đề gọi là phá ác, tất cả các biên kiến điên đảo không gì chẳng phải trung đạo là bố ma.

Thập Đắc có bài tụng:

*Không sân là trì giới
Tâm tịnh là xuất gia
Tính ta với ông hợp
Tất cả pháp không khác.*

Vì tâm người xuất trần không nương theo vật nên *kinh* nói: “Xuất gia phóng khoáng như hư không”. Chí Công ca rằng:

*Dưới lời chẳng cầu không nơi chốn
Tạm thời gọi đó kẻ xuất gia.*

Do đó Tiên đức nói: Nếu ông tỏ ngộ việc này thì chỉ tùy thời mặc áo ăn cơm hồn nhiên tự tại. Cho nên biết việc này chỉ tự mình

biết, không có phương tiện nào khác, vì vậy nói rằng một ngậm nước một miếng ăn đều tự có phần, nếu chẳng ngộ tâm xuất gia thì làm sao được.

Lại nói: Quán trong mỗi tâm đều có đủ tâm vương tâm sở, để thành tựu quán nên tâm vương tâm sở trợ giúp nhau khai ngộ. Có người nhờ tướng tâm số vào đạo, có người nhờ dụng tâm sở vào đạo. Tùy theo sự thích nghi mà tâm vương tâm sở cùng trị liệu, biến hóa các tâm trần lao mà làm Phật sự. Tu tập quán này chưa ngộ, quán hạnh như sữa, phát quán hạnh vô lậu như lạc, phá trần sa hoặc như sinh tô, thực tô, phá vô minh hoặc như đề-hồ. Khi đến đề-hồ thì công lao của tâm vương tâm sở đã hoàn tất.

Kinh Đại Bảo Tích có kệ:

Như Lai quán chúng sinh

Ở nơi pháp kiến lập

Dùng tâm để biết tâm

Đây là chân Phật tử.

Cho nên nói từ miệng Phật sinh, từ pháp hóa sinh, vì biết tâm nên tất cả pháp môn như ở trong lòng bàn tay. Vì người chưa biết nên phương tiện giải thích để họ tín nhập Tông Cảnh thì tất cả pháp đều là Phật sự.

Ăn uống là Phật sự, *Tịnh Danh Sớ* nói: “Đối với pháp bình đẳng thì đối với thức ăn cũng bình đẳng”. *Kinh Đại Phẩm* nói: “Tất cả pháp thú vị là không gì thú vị bằng; vị còn không có vì sao lại có thú phi thú. Nay nói tất cả pháp thú vị, vị chính là thức ăn, nên biết thức ăn chính là pháp giới bất tư nghì, vì trong thức ăn chứa đựng tất cả pháp, tất cả pháp không ở ngoài pháp giới thức ăn. Nếu thức ăn có thì tất cả pháp có, nếu thức ăn không thì tất cả pháp không. Nay thức ăn bất khả tư nghì còn chẳng thấy là có tại sao lại có thú; còn chẳng thấy là không tại sao lại có phi thú? Nếu quán thức ăn không thấy thú phi thú tức là trung đạo tam-muội, gọi là thức ăn pháp hỉ, thiên duyệt chân thật, mà có thể thông đạt pháp thú phi thú liền song chiếu nhị đế, được thức ăn nhị đế, tam-muội, pháp hỉ,

thiền duyệt, gọi là thức ăn bình đẳng. Các pháp cũng bình đẳng là tất cả các pháp thú ẩm, nhập, giới cho đến nhất thiết chủng trí, vì ẩm, nhập, giới, nhất thiết chủng trí đều bất khả đắc. Tại sao đang có thú và phi thú mà rõ ràng đầy đủ thú phi thú thì tất cả pháp đều có lý tam đế. Như *luận Trí Độ* nói ví dụ trong một sát-na có ba tướng sinh trụ diệt, lại như cơm thơm của cõi Phật Hương Tích”. Kinh nói: “Vô tận giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, công đức đầy đủ, thức ăn khác đều không thể tận, vì lý nhất tâm chân như vô tận, ngũ phần pháp thân góp thân huân tập, tự thể tính không, vô tác diệu dụng thì làm gì có tận ?”

Lại nói: “Nếu người chưa phát tâm đại thừa mà ăn cơm này, đến khi phát tâm liền tiêu hóa; nếu người đã phát tâm ăn cơm này, sẽ được vô sinh nhẫn rồi liền tiêu hóa; nếu người đã được vô sinh nhẫn ăn cơm này, đến nhất sinh bồ xứ, sau đó liền tiêu hóa. Ví như có thuốc tên là thượng vị, ai uống vào chất độc trong thân đều tiêu trừ. Cơm này cũng như thế, diệt trừ tất cả phiền não độc sau đó liền tiêu hóa. Như các đại Bồ-tát tuy còn sinh tử biết trong thân đời sau có chủng tử, chủng tử gặp duyên sinh trở lại, cơm thơm tiếp nối không dứt cho đến Sơ Địa phát tâm vô lậu đoạn hoặc chứng chân gọi là tiêu, chứ không phải cơm hết gọi là tiêu. Cho nên biết người ăn cơm này pháp nào chẳng tiêu”. Lại nói: “Bồ-tát lúc ấy nghe mùi hương mà vào luật hạnh được nhất thiết đức tạng tam-muội. Người được tam-muội này sẽ có đầy đủ các công đức của Bồ-tát”. Thế nên nếu từ mùi hương thể nhập pháp giới thì tự thân là thể giới chúng hương, tự tâm là Như Lai Hương Tích, vô lượng công đức nhất tâm viên mãn. Người ngộ nhập điều này đâu còn tìm cầu bên ngoài ? Hương giới đã vậy thì mười tám giới cũng thế, đều là nơi an dưỡng tinh thần là chỗ đắc đạo”.

Như A-nan bạch Phật: Chưa từng có, bạch Thế Tôn, cơm thơm này có thể làm Phật sự ? Đức Phật nói: Đúng vậy, A-nan! Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng Phật làm Phật sự, có khi dùng Bồ-tát làm Phật sự, có khi dùng những người được Phật giáo hóa làm Phật sự, có khi

dùng cội bồ-đề làm Phật sự, có khi dùng y phục ngoạ cụ của Phật làm Phật sự, có khi dùng cơm làm Phật sự, có khi dùng vườn rừng đền đài làm Phật sự, có khi dùng ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp làm Phật sự, có khi dùng thân Phật làm Phật sự, có khi dùng hư không làm Phật sự, chúng sinh ứng theo duyên này được vào luật hạnh, có khi lấy tất cả thí dụ như mộng, huyễn, bóng vang, bóng trong gương, trăng đáy nước, bóng nắng làm Phật sự, có khi lấy âm thanh, ngữ ngôn, văn tự làm Phật sự, có khi lấy cội Phật thanh tịnh vắng lặng không nói năng, không hay biết, không tạo tác làm Phật sự. Đúng vậy A-nan! Tất cả cử chỉ oai nghi và việc làm của chư Phật không gì chẳng phải Phật sự. Nay A-nan! Có bốn thứ ma, tám muôn bốn nghìn loại phiền não khuấy nhiễu chúng sinh, chư Phật lấy đó làm Phật sự, gọi là vào pháp môn của tất cả chư Phật. Bồ-tát vào pháp môn này, nếu thấy tất cả cội Phật thanh tịnh chẳng lấy làm vui, không tham, không kiêu ngạo; nếu thấy tất cả cội Phật bất tịnh chẳng lấy làm buồn không ngại không tránh, chỉ cần đối với chư Phật sinh lòng thanh tịnh, hoan hỉ cung kính, chưa từng có vậy. Công đức chư Phật Như Lai bình đẳng song vì giáo hóa chúng sinh mà hiện ra cội Phật khác nhau. A-nan, ông thấy cội nước chư Phật có ngân ấy mà hư không không có ngân ấy, như thế thấy sắc thân chư Phật có ngân ấy mà trí tuệ vô ngại không có ngân ấy.

Trong *kinh Hoa Nghiêm*, có Ưu-bà-di Cụ Túc được Bồ-tát vô tận phước đức tạng giải thoát môn, có thể ở trong một đồ vật nhỏ bé tùy theo sự ưa thích của các chúng sinh hiện ra thức ăn ngon khiến họ được no đủ. Cho đến một thế giới phương đông trong bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới, chỗ có Bồ-tát chỉ còn một đời ràng buộc cội ấy ăn thức ăn của ta xong đều ngồi dưới cội bồ-đề đạo tràng, hàng phục ma quân, thành chính đẳng Chính giác. Như phương đông, các phương nam, tây, bắc, trên, dưới cũng như thế.

Lại như cư sĩ Minh Trí được tùy ý sinh ra Phước đức tạng giải thoát môn, bấy giờ cư sĩ biết đại chúng tập họp, phút chốc nghĩ

tướng ngược nhìn hư không, đúng như chỗ mong đợi của họ thức ăn từ hư không rơi xuống, tất cả chúng hội thấy đều no đủ, sau đó ông vì họ nói pháp. Thức ăn ngon đầy đủ là thuyết pháp khiến họ được phước đức, xa lìa bần cùng, biết các pháp hạnh, thành tựu pháp hỉ, được thức ăn thiền duyệt, tu tập đầy đủ các hạnh tướng hảo, tăng trưởng thành tựu hạnh khó khuất phục, khéo hay liễu đạt hạnh vô thượng, thành tựu hạnh vô tận đại oai đức lực hàng phục ma oán.

Được thức uống ngon đầy đủ nghĩa là thuyết pháp khiến họ đối với sinh tử xa lìa ái trước, được thấm nhuần pháp vị. Chẳng hạn như đồ vật của cư sĩ Minh Trí ở trong hư không tùy ý mà sinh ra vô hạn thức ăn ngon, khi nghĩ đến liền từ hư không rơi xuống. Hễ ai đến cầu đều được đáp ứng, được thức ăn này thì chứng tất cả pháp môn, ăn thức ăn này thì thành tựu diệu đạo. Có thể nói là không một trần nào mà chẳng đầy đủ Phật sự, không một pháp nào mà chẳng viên mãn chính tông. Chỉ tùy theo tâm chúng sinh ứng theo lượng sở tri, theo nghiệp phát hiện nên chỗ thấy khác nhau. Ngoại đạo thấy là tự nhiên, phàm phu thấy là sinh tử, Thanh văn thấy là tứ đế, Duyên Giác thấy là nhân duyên, tiểu Bồ-tát thấy là đốn không, đại Bồ-tát thấy là trung đạo, chư Phật thấy là thật tướng. Nếu vào Tông Cảnh các chỗ thấy trên đều dung hợp.

Sắc trần làm Phật sự, như vua Tần-bà-sa-la nhân từ miệng Phật phóng ra ánh sáng ngũ sắc chiếu lên đánh đầu, nhờ đó ông chứng quả A-na-hàm. Lại như năm trăm vị trưởng giả trong kinh Bảo Tích do thấy tịnh độ của Phật được chứng vô sinh pháp nhẫn.

Hương trần làm Phật sự, tức là cơm thơm xông khắp cả tam thiên đại thiên, chư thiên ở dục giới, sắc giới gửi mùi hương mà nhập thất. Lại thiêu hương nghĩa là do lửa trí tuệ phát huy vạn hạnh khắp cả. Đồ hương nghĩa là do tính nước trong sạch hòa với pháp thân trang nghiêm. Mạt hương nghĩa là do trí kim cương phá những gì không thật; lại như từ bi quán, bất tịnh quán v.v... đoạn trừ các điều ác, như an tức hương hay trừ tà ác, trí tuệ chính kiến đoạn trừ điều ác. Lại hạnh thập thiện v.v... sinh ra hương hoan hỉ như

trầm hương, đàn hương v.v... bao trùm các chúng sinh, thực hành bố thí khiến mình người đều vui v.v...

Vị trần làm Phật sự, ăn cơm này thân thể an vui ví như cõi Lạc Trang Nghiêm.

Xúc trần làm Phật sự, dùng tay sờ mó đến đâu thì cảm thấy vui thích đến đó.

Ánh sáng làm Phật sự, *kinh Niết-bàn* ghi: “Người gặp được ánh sáng này tất cả phiền não đều tiêu trừ”. Sự phóng quang ấy là ánh sáng của trí tuệ nhất tâm, vì có tính hay chiếu soi vạn pháp, tức là không theo trần lao rơi vào ngu tối. Như *Nghĩa Hải* nói: Hiện quang minh, nghĩa là lúc thấy trần pháp giới chân như sự lý hiển bày rõ ràng, đây là trí tuệ quang minh chiếu. Nếu không có ánh sáng trí tuệ thì lý sự không hiển bày. Lúc thấy pháp là quang minh, do tích tụ trí tuệ mà công đức viên mãn, thế nên phóng một luồng ánh sáng thì pháp giới đều hiển bày, thường quan sát tất cả pháp giới đây là phóng ánh sáng chiếu tất cả. Ánh sáng của Tông Cảnh chính là hào quang của chư Phật, chiếu khắp pháp giới.

Như *kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Giữa chặng mây của Như Lai có tướng đại nhân gọi là biển pháp giới quang minh vân, trang nghiêm bằng hoa báu ma-ni, phóng ra ánh sáng rực rỡ đầy đủ các sắc báu, giống như mặt trời mặt trăng rỗng suốt trong sạch, ánh sáng ấy chiếu khắp cõi nước mười phương. Trong đó hiển hiện tất cả thân Phật, lại phát ra diệu âm tuyên nói các pháp”.

Kinh Pháp Hoa nói: “Phóng một hào quang chiếu một muôn tám nghìn cõi Phật, trong hào quang ấy đều thấy Bồ-tát dùng lục độ trang nghiêm, chúng sinh thọ báo tốt xấu v.v...”

Lại nói: “Phóng một tịnh quang chiếu vô lượng cõi”.

Kinh Đại Thừa Bốn Sinh Tâm Địa Quán ghi: “Bấy giờ, trong pháp hội có một vị Bồ-tát tên là Sư Tử Hông, thấy Như Lai phóng ánh sáng kim sắc, ngài nhìn khắp cả đại chúng trong Pháp hội rồi nói to: Do nhân duyên này Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ xuất định vì các ông diễn nói đại thừa diệu pháp tâm địa quán môn, nói với

đại chúng về vô lượng phước lạc của tất cả trời người, chóng cầu xuất thế được chính đẳng chính giác. Vì sao ? Nay từ ngực Thế tôn phóng ánh sáng kim sắc, những nơi được chiếu soi đều như kim sắc. Chỗ Phật hiển bày ý thú sâu xa, tất cả thế gian, Thanh văn, Duyên Giác suy nghĩ tính toán hết mức cũng không thể hiểu. Phạm phu các ông không quán tự tâm cho nên trôi nổi trong biển sinh tử. Chư Phật, Bồ-tát hay quán tâm nên qua khỏi biển sinh tử đến được bờ kia. Pháp của Như Lai ba đời đều như thế. Như lai phóng ánh sáng này chẳng phải không có duyên có”.

Giải thích: Ánh sáng kim sắc là tiêu biểu cho tông chỉ được nói đến. Như Văn-thù ở phía nam núi Tu-di đều cùng một màu không có màu nào khác. Như *kinh Bảo Khiếp* ghi: “Văn-thù-sư-lợi nói: Đại đức Tu-bồ-đề như ánh sáng của núi Tu-di, chỗ được chiếu đến đều cùng một màu kim sắc. Như thế Tu-bồ-đề, ánh sáng Bát-nhã chiếu soi tất cả kiết sử cũng cùng một màu, đó là màu Phật pháp. Tâm sắc này có thể nói là sáng hơn nhật nguyệt, rộng hơn thái hư, chiếu soi bất tận”.

Do đó *kinh Đại Bát-nhã* nói: “Nếu thế giới u minh và những nơi mà ánh sáng của nhật nguyệt không chiếu tới trong mỗi thế giới, muốn có ánh sáng thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa”.

Kinh Bảo Tích nói: “Ta có ánh sáng tên là vô sinh người nào trì danh thì được vô sở đắc”.

Lược Hoa Nghiêm nói: “Quang minh giác phẩm là khiến cho tin tự tâm, dùng ánh sáng tự tâm giác, chiếu tất cả thế gian vô tận đại thiên thế giới. Cảnh giới chư Phật tự cũng đồng đẳng, vì tâm theo ánh sáng tất cả đều chiếu soi, tâm cảnh hợp nhất, bất cái thấy trong ngoài. Bắt đầu chiếu soi tam thiên đại thiên thế giới lấy phương đông làm đầu, ánh sáng chiếu đến mười tam thiên thế giới phương đông, chiếu đến một trăm tam thiên thế giới. Như thế mười lớp mười phương chiếu soi khắp cả thân tâm, nhất tính vô ngại trùm khắp đồng với cảnh giới Phật. Mỗi mỗi đều tác ý quan sát như thế, sau đó dùng phương tiện vô tác quyết định ấn chúng, vào Thập

Trụ sơ tâm, sinh vào nhà trí tuệ Như Lai, làm con của pháp vương trí tuệ Như Lai”.

Như kinh nói không thể cho rằng tự mình không có phần của quang minh Phật mà cần phải xem tâm quang như Phật quang, khai mở tự tâm soi sáng khắp pháp giới.

Hoa Nghiêm Sớ nói: “Trong nhân phân biệt pháp tướng, quyết liễu chân lý, không thiếu lý sự, không giảm Phật pháp cho nên khi được nhất niệm liền hiểu nhiều môn, do đó phóng một ánh sáng đều đầy đủ phước trí”.

Niết-bàn Sớ nói: “Phóng quang chiếu Văn-thù là thấy sắc biết tâm, Văn-thù thấy ánh sáng liền hiểu ý Phật”.

Tịnh Danh Tư Ký nói: “Hoặc có khi lấy ánh sáng làm Phật sự, vì sao? Thể của ánh sáng khắp hư không đồng với pháp giới. Súc sinh hữu tình vô tình đều là Phật tử. Đây là pháp giải thoát, là núi Tu-di ở trong hạt cải”.

Giải thích như trên mới hiểu rõ kinh do Phật nói tức đồng với chỗ thấy của Tịnh Danh, không như hàng Nhị thừa chỉ thấy “không giải thoát”. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Chỉ cần lìa hư vọng gọi là giải thoát, thật ra chưa được tất cả giải thoát”. Nếu được tất cả giải thoát thì có một pháp chẳng phải Phật sự sao?

Cội bồ-đề làm Phật sự, sắc hương của cây bồ-đề này rất vi diệu, lại phát ra pháp âm, ai thấy nghe ngửi, chạm vào nó đều ngộ Thánh đạo.

Y phục ngoạ cụ làm Phật sự, ngày xưa vua Diêm-phù-đề được cà-sa của Phật, vua treo cà-sa ở trên cao để cho nhân dân chiêm ngưỡng. Người có bệnh nhìn thấy cà-sa trong lòng quy hướng Phật thì bệnh tiêu trừ, phát tâm bồ-đề, nhân đây ngộ đạo.

Kinh Đại Tập ghi: “Bảy giờ năm trăm vị đại Thanh văn đều đem y Uất-đa-la-tăng của mình dâng lên Bồ-tát Hư Không Tạng. Dâng thượng y xong họ đồng loạt xưng lên: Nếu có chúng sinh phát tâm vô thượng chính đẳng chính giác, chóng được thiện lợi, ở trong đại trí pháp tạng như thể không rơi ra ngoài, thượng y liền

chẳng hiện. Khi ấy các vị Thanh văn hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng: Y đâu rồi ? Hư Không Tạng đáp: Vào trong kho của ta”.

Kinh Hoa Thủ ghi: “Phật nói: Nay ta phải hiện sức thần thông khiến cho chư Bồ-tát tự biết sở nguyện, phát tâm hành đạo, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh và khi thành Phật thế giới nghiêm tịnh, Thanh văn, bồ-tát đầy đủ, diễn nói chính pháp độ người, thọ mạng Phật pháp dài ngắn, hình sắc tướng hảo chính hạnh, sau khi diệt độ pháp trụ lâu mau, làm cho các bồ-tát đều ở trong y, thấy sự việc như thế được dứt trừ những điều nghi. Cho đến nói kệ:

*Vì Phật nhập tam-muội
Khiến ta được mắt này
Và các môn tổng trì
Vào khắp tất cả pháp.*

Cho nên biết rằng thành Phật độ sinh chẳng lìa tự tâm và pháp được thọ dụng.

Như *kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương* nói: “Phật hỏi Ca-diếp: Ông thấy trong bát Phệ-lưu-ly nơi tay của Bồ-tát Văn-thù-thất-lợi có những gì ? Đại Ca-diếp từ chỗ ngồi đứng lên đánh lễ Thế Tôn rồi đi đến trước ngài Văn-thù-thất-lợi đánh lễ, liền nhìn vào trong bát thấy có trăm ức tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức vô sắc giới, trăm ức sắc giới, trăm ức lục dục giới, trăm ức núi Tu-di, trăm ức tứ thiên hạ, trăm ức Nam diêm-phù-đề, trăm ức thế giới Sa-ha, trăm ức Thích-ca Như Lai, nghìn chiếc bát trên trăm ức nghìn cánh tay của Văn-thù-thất-lợi, trăm ức Ca-diếp. Ở trong bát Văn-thù có trăm ức thế giới, trong thế giới có trăm ức Ca-diếp, đều ở trước ngài Văn-thù thưa hỏi pháp nghĩa đại thừa.

Hư không làm Phật sự, như Văn-thù diệt sắc tượng hiện tướng hư không để hóa độ Xà Vương được ngộ đạo. Lại như trong hội Đại Tập, lúc Hư Không Tạng đến đều hiện tướng hư không. Kinh nói: “Bồ-tát Hư Không Tạng bảo A-nan: Đại đức, chính ta chúng biết nên mới nói như thế, vì sao ? Thân ta là hư không, lấy hư không chúng

biết tất cả pháp làm hư không ẩn. Lại như Bồ-tát Hư Không Tạng lấy hư không làm kho tàng, tuôn xuống những bảo vật âm thực y phục khắp mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới. Cho nên có bài kệ:

*Vì hư không không cao
Và lại cũng không thấp,
Các pháp cũng như thế,
Tính nó không cao thấp.*

Lại có bài kệ:

*Bồ-tát Hư Không Tạng
Được kho tàng hư không
Đầy đủ các hữu tình
Kho tàng vô cùng tận.*

Các môn phiền não làm Phật sự, như kinh nói: Phiền não là đạo tràng, vì biết đúng như thật. Kinh Nhân Vương nói: “Chúng sinh chưa thành Phật, bồ-đề là phiền não; chúng sinh thành Phật, phiền não là bồ-đề. Như thầy thuốc dở thì thuốc hay trở thành độc dược, thầy thuốc giỏi thì độc dược trở thành thuốc hay. Chúng sinh dụng tâm Phật làm trần lao, chư Phật dụng tâm chúng sinh thành bồ-đề. Cũng như người phước đức nắm đá thành vàng, kẻ bạc phước nắm vàng thành đá. Pháp không cố định, tướng xoay chuyển do tâm, đạo bất danh ngôn, lý không biến đổi. Như nhãn, sắc v.v... tất cả đều đủ mười pháp giới.

Nếu gương mặt nhìn thế giới Bất Thuần liền được vô sinh pháp nhãn thì nhãn là pháp giới. Thấy hoa rơi mà ngộ vô thường, chúng quả Bích-chi Phật thì sắc là pháp giới.

Kinh nói: Bồ-tát có chiếc mũ chiếu pháp tính. Khi đội mũ này tất cả các pháp đều hiện nơi tâm, các sự việc cũng thế.

Lại như Luân vương có một chiếc giường báu bậc Thánh vương ngồi trên đó liền lìa dục được tứ thiên. Thấy ngọc nữ như thấy tượng Phật mà không sinh lòng dục. Cho nên sắc là sở tạo, tâm là năng tạo, chưa có một pháp nào chẳng phải là tâm ta. Nếu mê sở

tạo (sắc) thì thành thế trần, nếu ngộ năng tạo (tâm) thì ấy là diệu chỉ.

Lại gõ đầu lâu phát âm thanh, biết được chỗ quá khứ sinh tử thiện ác thì thanh là pháp giới. Nếu biết trực quán bản lý, lý đủ các pháp. Nếu không có diệu quán, sử dụng hằng ngày mà không biết. Nếu có thể biết rõ thì thấy tất cả muôn pháp đều đủ nhất tâm, lý viên đốn bất tư nghì.

Cho nên pháp sư Tăng Triệu nói: Bạc Thánh có xa chăng ? Thế là thần. Đạo có xa chăng ? Chạm việc là chân. Có thể nói rằng tâm cảnh đều là chủ. Nếu được ánh sáng của Tông Cảnh hồn nhiên chiếu soi hoặc sắc hoặc tâm thấy đều thông đạt.

Thế nên *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Các thức cúng dường đều do tâm vô thượng tạo thành, pháp vô tác ấn định”. Như trong thế giới Hoa Tạng núi sông cây cỏ đều trở thành Phật sự. Thấy nghe hay biết của Thiện Tài đồng tử đều vào pháp giới, liền biết tất cả các pháp đều là Phật pháp, đều là ánh sáng của Tông Cảnh, không hiện dấu vết của một trần.

Luận Thích ghi: Chẳng thể lấy sắc bại hoại vô thường để hướng đến đạo bình đẳng. Quán sắc không sai khác là có thể đồng với đại thừa. Như sáng với tối hợp lại mà ông chẳng thấy, cho rằng sáng tối khác nhau, muốn biết ý nghĩa ấy, như ánh sáng mặt trời xuất hiện thì tối tăm không còn. Tối thường tại không chỗ quy hướng, sáng cũng như thế, cùng với tối chung hợp lại. Sinh tử cùng đạo hợp, đạo tức là sinh tử, thế nên sinh tử như tối, đại đạo như sáng. Chẳng bỏ tối mà thành sáng, chẳng dẹp sinh tử mà thành đạo.

Hóa nhân làm Phật sự, như đức Phật Tu-phiến-đa lưu lại hóa Phật độ chúng sinh. *Kinh Đại Tập* nói: “Khi ấy, hóa tì-kheo nói với Xá-lợi-phất: Đại đức, theo ông tôi khác với ông chăng ? Xá-lợi-phất nói: Không phải thế, vì sao ? Như Lai thường nói tất cả các pháp đều như biến hóa, theo lời Như Lai, ta cũng như hóa. Nay đại đức, nếu có người hay cúng dường Như Lai tức là cúng dường hóa nhân không

sai khác. Khi ấy Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Bất Khả Thuyết: Thiện nam, người biến hóa nào mà nói như thế ?

- Đại đức, như bóng trong gương thì ai trong đó hiện bóng ?

- Thiện nam, không ai trong đó, vì nhân duyên tứ đại thanh tịnh nên có bóng hiện.

- Đại đức, hóa cũng như thế, vì pháp tính thanh tịnh cho nên có thể nói vậy.

- Thiện nam, nếu thế tại sao tất cả chúng sinh không biết ?

- Đại đức, phía sau chiếc gương đều không lìa gương thì bóng nào chẳng hiện!

- Thiện nam, vì phía sau gương tứ đại chẳng thanh tịnh!

- Đại đức, chúng sinh cũng thế, vì không thể thanh tịnh pháp giới tính nên chẳng thể tuyên nói.

Im lặng không nói năng làm Phật sự, là chỉ bày tâm luân. Tuy không nói năng song không ngại ưa thích vắng lặng. Nếu chẳng ưa thích thì đâu được nói làm Phật sự ? Nếu Phật không chỉ bày tâm thì Thập Địa không thể biết, nếu chỉ bày tâm thì loài côn trùng có thể biết. Nên biết là nghĩa của chỉ bày tâm, trong đây cũng dùng không nói không dạy làm Phật sự, như Tịnh Danh im lặng, Văn-thù trình bày.

Lại như *kinh Đại Tập* nói: “Thanh tịnh, tịch tĩnh, quang minh, vô tránh. Bốn pháp như thế đồng vào một cõi, một pháp, một câu. Bốn pháp ấy là niết-bàn. Vì xa lìa phiền não gọi là thanh tịnh, vì rốt ráo thanh tịnh nên gọi là tịch tĩnh, vì không tối tăm nên gọi là quang minh, vì bất khả thuyết nên gọi là vô tránh”. Vì thế nói rằng Thích-ca Như Lai im lặng không nói, do đó nói nín động tĩnh không gì chẳng phải Phật sự. Cho nên Tiên đức nói: Đài mây lưới báu đều diễn diệu âm, ánh sáng lỗ lông đều hay thuyết pháp. Ở thế giới Hương Tích ăn cơm thơm đặc tam-muội, nơi cõi Cực Lạc nghe gió thổi được chính niệm. Đản sáo có thể truyền tâm, mắt nhìn nhận ra đạo lý, nói, nín, chớp mắt, mở mắt đều nói pháp thì thấy nghe hiểu biết đều nghe pháp. Nếu có thể đặc pháp hợp đạo, đâu cần nhờ nói

năng. Như tiếng đàn cầm truyền ý cho Tần vương thoát khỏi tay của Kinh Kha. Tiếng đàn của Tương Như làm rung động nàng Văn Quân khiến hai người nên đôi lứa. Đế Thích có bày tôi pháp lạc, Mã Minh có kỹ năng hòa-la, đều là đàn sáo truyền tâm.

Mục kích tôn đạo, Trang Tử nói: Phu Tử và Ôn Bá Tuyết Tử, lâu ngày không gặp, đến khi hội ngộ thì im lặng không nói một lời. Tử Lộ lấy làm lạ hỏi: Vì sao không nói một lời ? Trang Tử nói: Nếu người này tận mắt trông thấy nhận ra đạo lý cũng không nhờ đến dung mạo và âm thanh.

Đài mây nói pháp, *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Trong hư không đài mây có ánh sáng lớn, do sức oai thần của chư Phật ánh sáng ấy phát ra bài tụng:

*Phật vô đẳng đẳng như hư không
Thập lực có vô lượng công đức
Các pháp thù thắng trong thế gian
Phật pháp lại là tối thắng hơn.*

Lưới báu thuyết pháp, *kinh Hoa Nghiêm* nói: Tòa sư tử lấy ma-ni làm đài, hoa sen làm lưới báu, cho đến nhờ oai thần của chư Phật gìn giữ để diễn nói cảnh giới rộng lớn của Như Lai.

Lỗ lông nói pháp, phẩm Nhập Pháp Giới nói: “Bồ-tát nhiều như biển vi trần thế giới đều đến chỗ Phật, ở trong tất cả lỗ lông phát ra ngữ ngôn như biển, âm thanh như mây cho tất cả chúng sinh”.

Quang minh nói pháp, phẩm Hiện Tướng nói: “Khi ấy trong ánh sáng của các vị Bồ-tát đồng thời phát âm thanh, nói bài tụng:

*Trong ánh sáng phát ra diệu âm
Khắp cả mười phương tất cả cõi
Diễn nói công đức của Phật tử
Có thể vào diệu đạo bồ-đề.*

Cho đến nghịch thuận thiện ác không gì chẳng phải Phật sự, như từ Nhị thừa đến Phật là thuận hạnh, từ địa ngục đến ma vương là nghịch hạnh. Lại như Thích-ca luôn hành thiện, Điều-đạt luôn

làm ác, Thân Tử tin nhận chân thành, Thiện Tinh bướng bỉnh không tin v.v... đẹp xấu cùng hướng về không gì chẳng phải Phật sự. Cho nên kinh nói: “Pháp giới chân thật bình đẳng, chư Phật không thể hành, không thể đến”. Lại nói: “Thật tế lý địa, đại ma vương không thể hành, không thể đến”. Vì Phật và ma đều không ra ngoài pháp giới môn, thật tế địa, vì là một pháp. Nếu có đi có đến thì có nhân có pháp vì ở ngoài pháp giới trở thành nhị kiến. Do đó *kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội* nói: “Đức Phật thọ ký cho ma nữ, về sau ma vương nghe nói ma nữ được thọ ký thành Phật bèn đến bạch Phật: Con nay đối với quyền thuộc của mình không được tự tại. Khi ấy ma nữ giả vờ sợ hãi để tuyên nói diệu lý, nói với ma vương: Ngài chớ sâu nã, nay chúng tôi không ra khỏi cảnh giới của ngài. Vì sao ? Ma giới như, Phật giới như, không hai không khác. Chúng tôi không lìa ma giới này, vì ma giới chính là Phật giới. Ma giới không có pháp cố định để phô bày, Phật giới cũng không có pháp cố định để phô bày. Tất cả các pháp đều không có tính cố định, vì không có tính cố định nên không có quyền thuộc và phi quyền thuộc. Nếu có thể thấu rõ pháp môn nhất tế này, có thể gọi là đang ở trên đất ma mà đi vào cõi Phật, trong dòng thế tục mà thông dong trên dòng pháp. Chỉ cần rõ tự tâm thì lãnh hội khắp mọi điều kỳ diệu, cho nên nói diệu pháp còn dụ cho hoa sen. Khi hoa sen nở thì các tua nhụy đều hiện, dụ cho tâm chúng sinh khai mở, bi trí hạnh nguyện cũng nở hoa. Diệu pháp này thường trụ thì nhất tâm là chủng tử Phật quả. Do đó Như Lai được một pháp này thì đầy đủ tất cả pháp. Thế nên ở trong một vi trần một lỗ lông đều đồng với vô lượng vi trần, lỗ lông, Như Lai ở trong ấy diễn nói tất cả pháp, pháp lý trùng trùng vô tận. Vì trùng trùng vi diệu nên thương xót chúng sinh không biết tâm vi diệu chỉ chạy theo thô phù. Nếu khai ngộ thì trong khoảng sát-na liền thành Phật quả. Do đó *kinh Thủ Lăng Nghiêm* nói: Khảy ngón tay vượt lên bậc vô học, như trong nhà tối vừa thấp đuốc thì mọi vật bên trong liền hiện; cho nên nói tâm khai ý giải được pháp nhãn thanh tịnh, cũng nói mắt tâm sáng tỏ. Vì

thấy pháp giới thể trong tâm ngoài tâm không còn mảy may trần tướng nên được pháp nhãn minh tịnh. Nếu thấy có không đều trở thành chướng ngại. Phải biết chẳng phải riêng tâm làm Phật sự, cho đến Hằng sa vạn hạnh vạn đức làm căn bản. Như *luận Du-già* nói: “Nếu có người hỏi Bồ-tát lấy gì làm gốc thì phải khẳng định lấy đại bi làm gốc”. *Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Nếu có người hỏi cái gì làm gốc rễ các điều thiện thì nên đáp là “từ”, do ý nghĩa này, thật sự chẳng phải hư vọng. Đây thiện nam, người hay làm việc thiện gọi là thật tu duy. Thật tu duy gọi là từ, từ là Như Lai từ, là bậc Đại thừa. Thật tu duy là tâm chân thật. Nếu vào Tông Cảnh như ở trong nhà chiêm-đàn, thuần nhất không hỗn tạp, từng niệm đều chứng pháp môn, từng bước đều tham tri thức.

Như trong *kinh Hoa Nghiêm*, hoặc lấy âm thanh, hoặc hiện diệu Sắc, hoặc dùng hương lạ, hoặc dùng thượng vị, hoặc dùng diệu xúc, hoặc dùng gương pháp hoặc sáu căn bên trong, hoặc bốn oai nghi bên ngoài, hoặc đệ tử nhân vật, hoặc tất cả sự tạo tác, hoặc thuận làm chính pháp, hoặc nghịch làm tà đạo. Hễ có thấy nghe đều có thể dẫn dắt chúng sinh. Do đó phẩm Nhập Pháp Giới nói: “Nơi lỗ lông phát ra pháp âm vi diệu của chư Phật. Lại tụng:

Các màn lưới báu chạm lẫn nhau

Diễn nói âm thanh Phật không dứt.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh có bài tụng:

Phật, Bồ-tát nói, cõi nước nói,

Chúng sinh, ba đời thấy đều nói.

Cho đến trong *kinh Hoa Nghiêm*, Bồ-tát Kim Cương Tạng nơi lỗ lông khắp thân phát ra âm thanh nói pháp. Cho nên ngang gồm mười phương tất cả chỗ, dọc suốt ba thuở tất cả thời, thường chuyển pháp luân, không gián đoạn không cùng tận.

Do đó phẩm A-tăng-kỳ có kệ:

Mỗi mỗi các đức Như Lai ấy

Đều phát Phạm âm bất khả thuyết

Trong mỗi mỗi âm thanh vi diệu

*Đều chuyển pháp luân bất khả thuyết
Lại trong mỗi mỗi pháp luân kia
Tuôn tu-đa-la bất khả thuyết
Nơi mỗi mỗi tu-đa-la kia
Phân biệt các pháp bất khả thuyết
Lại ở trong mỗi mỗi pháp ấy
Nói ra các pháp bất khả thuyết.*

Cho nên biết nếu thuận chỉ khế tông thì tuy không nói pháp hoặc xúc cảnh mà thường nghe diệu âm; hoặc duyên trái chướng sâu dù ở nơi pháp hội đang nói pháp mà không nghe được một chữ. Như điển nói bí mật giáo cùng ngòi chung mà nghe hiểu khác nhau, tợ đàm luận tông Hoa Nghiêm mà Nhị thừa chẳng thấy. Có thể gọi là u huyền khó lường, chỉ trừ những người trồng căn lành Như Lai tướng. Chí diệu không thể suy tư, những chúng sinh khác không thể vào.

Lại luận *Tạp Hoa Nghiêm Sứ* nói: “Chúng sinh trôi lăn trong sinh tử sở dĩ không được chân đạo bởi do chẳng biết nguồn tâm. Nếu biết nguồn tâm thì có thể bỏ tà chấp trở về chính đạo”. Và nói: “Trong một sát-na tâm thức của tất cả chúng sinh đến khắp mười phương, nhanh chóng vô si vượt qua vách đá, đến chỗ vô úy như sư tử”.

Như kinh nói: “Ở trong ngục sư tử thì biết nhất tâm pháp giới, pháp giới nhất tâm bao trùm mười phương không sót một mảy may, đâu chỉ có tâm đầy đủ mà thân cũng bao trùm. Chẳng hạn như trong mười thân có quốc độ thân, hư không thân, tại sao chẳng đầy đủ?” Như Thiên ba-la-mật nói: “Thế gian trong thân chúng sinh và cõi nước bên ngoài có sự tương quan, hành giả nơi tam-muội dùng trí tuệ nguyện lực quán sát kỹ thân liền biết thân này phỏng theo những việc thế tục trong trời đất. Vì sao? Bởi thân tướng này đầu tròn như trời, chân vuông như đất. Trong có cái trống rỗng là hư không, bụng ấm áp như mùa xuân mùa hạ, lưng cứng cáp như mùa thu mùa đông. Bốn thể như bốn mùa, mười hai đốt xương lớn như

mười hai tháng, ba trăm sáu mươi đốt xương như ba trăm sáu mươi ngày. Mũi miệng phát ra hơi thở, như hơi gió trong hang núi. Con mắt như mặt trời mặt trăng, mắt mở nhắm như ngày đêm, tóc như ngôi sao, lông mày là bắc đẩu, mạch là sông ngòi, xương là ngọc thạch, da thịt là đất đai, lông như rừng rậm. Ngũ tạng bên trong là ngũ tinh trên trời, là ngũ nhạc dưới đất, là ngũ hành tại âm dương, là ngũ thường ở thế gian, trong là ngũ thân, tu là ngũ đức, sứ giả là bát quái, trị tội là ngũ hình, chủ lãnh là ngũ quan, thăng là ngũ vân, hóa là ngũ long, tâm là chu tước³, thận là huyền vũ, can là thanh long, phế là bạch hổ, tỳ là cú trần. Năm loại chúng sinh này thu nhiếp tất cả cảm thú thế gian đều ở trong đó, cũng là ngũ tính, đó là cung, thương, giốc, trung, vũ⁴, tất cả muôn loài đều ở trong ấy; đối với kinh sách Nho giáo là ngũ kinh, vì tất cả sách sử đều có phát xuất từ đây; đối với công xảo là ngũ minh, vì tất cả kỹ thuật, sáu nghề đều có xuất xứ từ đây. Phải biết thân người tuy nhỏ mà ý nghĩa tương quan với trời đất. Như thế nói đến thân, không chỉ nói về ngũ âm thế gian mà còn là cõi nước thế gian.

Lại trong thân, vương pháp cai trị theo chính nghĩa, hành giả ở trong tam-muội dùng sức trí nguyện là biết trong thân, tâm là đại vương trên nghĩa dưới nhân ở trong cung cấm, ra ngoài thì có các quan vây quanh thị vệ, phổi là tư mã, gan là tu đồ, lá lách là tư không, thận là biển lớn, trong có thần rùa hít thở nguyên khí, làm gió làm mưa, thông khí tứ chi. Tứ chi là con dân, bên trái là ty mạng, bên phải là ty lục, chủ yếu ghi chép nhân mạng. Thái nhất quân ở trong rốn cũng làm chủ con người, Trụ thiên đại tướng quân đặc tiến quân vương làm chủ một muôn hai nghìn đại thần trong thân, Thái nhất có tám sứ giả là bát quái hợp lại làm cửu khanh. Tam tiêu khai nguyên khí làm tả xạ hữu tắc, chủ về gian tặc. Thượng tiêu thông khí lên đầu, chính giữa là tông miếu, vua ở giữa cai trị giáo hóa.

Nếu tâm thực hành theo chính pháp thì bầy tôi phục tùng, đất nước bình yên, cho nên ngũ tạng điều hòa, lục phủ dễ chịu, tứ đại an

vui không các bệnh tật, đảm bảo sống lâu. Nếu tâm thực hành theo phi pháp thì bầy tôi làm loạn, tàn sát lẫn nhau, cho nên tứ đại không điều hòa, các căn bế tắc, vì thế mang bệnh cho đến chết, đều do tâm chuyên thực hành những pháp ác. Kinh nói: “Mất hồn thì loạn, mất phách thì cuồng, mất ý thì mê, mất chí thì quên, mất thần thì chết”. Cần phải biết rằng ngoài lập ra vương đạo cai trị giáo hóa đều là pháp ở trong thân. Những ý nghĩa trên đều có nói đủ trong *kinh Đề Vị*.

Lại nói về sự tương quan của nghĩa nội thể gian phần trên đã nói cùng với nghĩa ngoại thể gian tương quan. Vì sao ? Lúc Phật chưa xuất thế, các vị thần tiên thế trí cũng tương đối thông đạt danh nghĩa các pháp, đây là nghĩa ngoại thể gian. Các vị thần tiên này tuy thế trí biện thông có thể thông đạt thể gian nhưng nếu họ dừng lại nơi sự phân biệt thì chưa thể thấy được chân lý, đối với Phật pháp không gọi là Thánh nhân, vẫn là phàm phu luân hồi trong ba cõi hai mươi lăm hữu, chưa ra khỏi sinh tử. Nếu giáo hóa chúng sinh thì gọi là cưu y, cũng gọi là thế y. Cho nên *kinh Niết-bàn* nói: “Thế y điều trị bệnh khỏi rồi sau đó tái phát; nếu là Như Lai trị liệu thì bệnh hết hẳn không tái phát”.

Nói về nghĩa nội thể gian, tức là Như Lai xuất thế, nói rộng tương của tất cả danh nghĩa trong giáo môn để hóa độ chúng sinh. Hành giả ở trong tâm định ý muốn biết được sự đối chiếu trong giáo môn Phật pháp phải nhờ sức tam-muội trí tuệ thiện căn. Làm sao biết như đức Phật nói nghĩa ngũ giới là đối với ngũ tạng ? Nếu tứ đại, ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới, tứ đế, thập nhị nhân duyên đều ở trong thân người liền biết nghĩa tứ đại là đối với ngũ tạng. Phong đại đối với gan, hỏa đại đối với tim, thủy đại đối với thận, địa đại đối với phế tỳ. Còn ngũ âm đối với ngũ tạng như sau: Sắc âm đối với gan, thức âm đối với tỳ, tướng âm đối với tim, thụ âm đối với thận, hành âm đối với phế. Tên gọi tuy không thứ lớp mà nghĩa tương quan. Nếu nghe nói thập nhị nhập, thập bát giới cũng là biết đối với ngũ âm bên trong. Một là nhập tam giới nghĩa tự có thể thấy,

hai là nhập tam giới nay phải phân biệt, năm thức đều là ý nhập giới. Năm trần bên ngoài và pháp trần bên trong là pháp nhập giới. Đây chính là sự tương quan giữa hai thứ nhập tam giới.

Ý thức giới là ban đầu sinh năm thức làm gốc, đối với pháp trần bên ngoài liên sinh ý thức gọi là ý thức giới.

Nếu nghe nói ngũ căn cũng biết đối với ngũ tạng bên trong: Ưu căn đối với gan, khở căn đối với tim, hỉ căn đối với phế, lạc căn đối với thận, xả căn đối với tỳ.

Ngũ căn nhân duyên thì có đủ tam giới, vì sao ? Ưu căn đối với dục giới, khở căn đối với sơ thiên, hỉ căn đối với nhị thiên, lạc căn đối với tam thiên, xả căn đối với tứ thiên, cho đến tứ không định đều gọi là xả câu thiên. Cần phải biết tam giới cũng tương quan với ngũ tạng. Nghe nói bốn loài cũng có liên quan với ngũ tạng, vì sao ? Dục giới có ngũ căn, ngũ căn liên quan ngũ tạng, ngũ tạng liên quan tứ đại đối với bốn loài: Loài noãn sinh phần nhiều là tính phong đại, do thân thể nhẹ nhàng dễ bay lên; loài thấp sinh phần nhiều là tính thủy đại, do âm thấp mà sinh; loài thai sinh phần nhiều là tính địa đại, vì thân thể nặng nề chậm chạp; loài hóa sinh phần nhiều là tính hỏa đại, vì thể của lửa không mà chợt có và cũng có ánh sáng. Như Lai vì giáo hóa bốn loài trong ba cõi nên nói tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục ba-la-mật. Phải biết ba thứ pháp dục thân đơn này dùng để đối trị ngũ tạng ngũ căn, ngũ ấm của chúng sinh, vì sao ? Như Phật nói về nghĩa nhất tâm tứ đế, phải biết tập đế đối với can nhân vì thuộc mới sinh; khở đế đối với tâm quả vì đã thành tựu; đạo đế đối với phế kim vì hay dứt sạch; diệt đế đối với thận vì có rồi hoàn không, nhất tâm đối với tỳ vì khai thông tứ đế. Cho đến thập nhị nhân duyên, lục ba-la-mật gần giống như trên có thể biết. Loại pháp tạng này bao gồm tất cả giáo môn của Như Lai. Cho nên hành giả nếu tâm sáng suốt lạnh lợi quán sát kỹ thân tướng liền biết rõ tất cả danh nghĩa Phật pháp. Vì thế *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Biết rõ thân này tức là đạt tất cả”. Đây là nói về mối tương quan của nghĩa

nội thế gian, ý ở chỗ thâm kín vi diệu, nếu chẳng phải tỏ ngộ thì chớ nói.

Trên đây trích dẫn rất nhiều lời dạy của các bậc Thánh thì biết rõ thân tâm của ta, thế xuất thế gian, tất cả cõi nước tịnh ược, pháp môn chân tục phối hợp không sai, thấy đều đầy đủ. Cho nên nói: “Một hạt bụi chứa cả pháp giới, chín đời phân ra trong sát-na”. Lại nói: “Ngộ thì mười phương ở trong nhất tâm, mê thì gang tấc xa ngoài nghìn dặm”. Nếu có thể thấu hiểu viên thông như thế thì mười phương thế giới ở trong bàn tay, sóng cả bốn biển thu vào lỗ lông nào có khó gì! Có thể nói là ngồi yên trong thất kín thành Phật không lâu!

³ **Chu tước, Huyền vũ, Thanh long, Bạch hổ:** Là bốn vị thần ở bốn phương trong Đạo giáo.

⁴ **Cung, Thương, Giốc, Trung, Vũ:** Là ngũ âm trong âm nhạc Trung Quốc.